

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **60 /2023/HS-PT**

Ngày: 16/6/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tuấn Long**.

+ *Các thẩm phán:* Ông **Nguyễn Văn Tuấn**.

Bà **Lâm Vương Mỹ Linh**.

+ *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Ngọc Xuân Thiện** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kh1.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:* Ông **Phạm Bai** - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kh1 mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 33/2023/TLPT-HS ngày 20/3/2023 đối với các bị cáo Nguyễn Nhật D1 và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2023/HS-ST ngày 14/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nt1, tỉnh Kh1.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Nhật D1, sinh năm 1996 tại Kh1; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 17A Cồn Giữa, phường XH1, thành phố Nt1, tỉnh Kh1; chỗ ở hiện nay: Đường 90 LK 513 Khu đô thị Thái Hưng, xã VT1, thành phố Nt1, tỉnh Kh1; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: thợ hớt tóc; trình độ học vấn: 7/12; con ông Nguyễn Thành T1 (1971) và bà Nguyễn Trương Kim Ch1 (1975); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn Thành T1, sinh năm 1971 tại Kh1; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 17A Cồn Giữa, phường XH1, thành phố Nt1, tỉnh Kh1; chỗ ở hiện nay: Đường 90 LK 513 Khu đô thị Thái Hưng, xã VT1, thành phố Nt1, tỉnh Kh1; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; con ông Nguyễn Thành Hưởng (chết) và bà Lê Thị Đa (chết); vợ là Nguyễn Trương Kim Ch1 (1975), có 06 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Nguyễn Trương Kim Ch1, sinh năm 1975 tại Bình Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 17A Cồn Giữa, phường XH1, thành phố Nt1, tỉnh Kh1; chỗ ở hiện nay: Đường 90 LK 513 Khu đô thị Thái Hưng, xã VT1, thành phố

Nt1, tỉnh Kh1; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 8/12; con ông Nguyễn Văn Ân (chết) và bà Trương Thị Định (chết); chồng là Nguyễn Thành T1 (1971), có 06 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Nguyễn Nhật T2, sinh năm 2001 tại Kh1; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 17A Cồn Giữa, phường XH1, thành phố Nt1, tỉnh Kh1; chỗ ở hiện nay: Đường 90 LK 513 Khu đô thị Thái Hưng, xã VT1, thành phố Nt1, tỉnh Kh1; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: thợ hớt tóc; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Thành T1 (1971) và bà Nguyễn Trương Kim Ch1 (1975); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- **Người bào chữa**: Luật sư **Trần Thị Hiếu** - Công ty Luật TNHH MTV Nam Sơn, Ch1 nhánh Kh1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kh1 và Luật sư **Lê Hồng Quang** - Công ty Luật TNHH Olympic, Ch1 nhánh Kh1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kh1 - cùng bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Nhật D1, Nguyễn Thành T1, Nguyễn Trương Kim Ch1, Nguyễn Nhật T2. Các Luật sư Hiếu, Quang đều có mặt.

- **Người làm chứng**:

1. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Th2** (1978); nơi cư trú: Số 20 Nguyễn An, Vĩnh Hòa, Nt1, Kh1. Bà Th2 vắng mặt.

2. Anh **Phan Văn Th1** (2000); nơi cư trú: 404/5/18B Lê Hồng Phong, Phước Long, Nt1, Kh1. Anh Th1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng Nguyễn Thành T1 và Nguyễn Trương Kim Ch1 có mâu thuẫn liên quan đến đất đai với Nguyễn Thành S1. Khoảng 19 giờ 20 phút ngày 16/11/2020, Nguyễn Thành T1 đến nhà S1 tại số 20 Nguyễn An, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nt1 để nói chuyện, cùng lúc này Nguyễn Trương Kim Ch1 cũng cùng con trai là Nguyễn Nhật D1 đi theo. Đến nơi, thấy S1 không có ở nhà nên T1, Ch1, D1 đứng đợi ở trước cửa nhà, Ch1 dùng điện thoại gọi con trai là Nguyễn Nhật T2 đến có việc. Một lúc sau, S1 vừa về nhà thì giữa Ch1 và S1 xảy ra cãi vã, Ch1 lao vào nắm cổ áo làm S1 ngã xuống đất, Ch1 dùng cùi chỏ đánh vào lưng S1, đồng thời T1 nằm đè lên người S1 dùng tay và chân đánh đập nhiều cái vào bụng và người của S1. Lúc này Nguyễn Nhật T2 vừa đi đến trước nhà S1, T2 thấy Ch1 và T1 đánh S1, còn Nguyễn Nhật D1 nhặt một đoạn cây gỗ dài khoảng 60cm ở bên đường đến đánh nhiều cái về phía S1 gây thương tích chảy máu vùng mũi. Thấy T2 đến, Ch1 nói T2 đến ôm S1 không chế không cho S1 bỏ chạy, T2 nghe vậy thì đến không chế, ôm S1 để T1 tiếp tục dùng tay đập 02 cái vào người của S1. Một lúc sau, thấy anh S1 bị chảy nhiều máu thì gia đình T1, Ch1, D1 và T2 bỏ đi về, S1 được đưa đi Bệnh viện cấp cứu.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 12/TgT-TTPY ngày 08/01/2021 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế Kh1 kết luận: Tổng tỷ lệ thương tổn cơ thể của Nguyễn Thành S1 là 11%.

Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2023/HS-ST ngày 14/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nt1, tỉnh Kh1 đã áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (việc dẫn điểm a, i khoản 1 Điều 134); điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Nguyễn Nhật D1 02 năm 06 tháng tù, Nguyễn Thành T1 và Nguyễn Trương Kim Ch1 mỗi bị cáo 02 năm 03 tháng tù, Nguyễn Nhật T2 02 năm tù đều về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định.

Cùng ngày 27/02/2023, các bị cáo Nguyễn Nhật D1, Nguyễn Thành T1, Nguyễn Trương Kim Ch1 và Nguyễn Nhật T2 đều có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kh1 nhận định: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân, đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe người khác trái pháp luật. Các bị cáo biết hành vi của mình là sai phạm nhưng vẫn thực hiện nên cần xử phạt nghiêm. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo chưa có tiền án, tiền, có nhân thân tốt nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là bất lợi cho các bị cáo. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kh1 đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo an tâm cải tạo.

Luật sư Lê Hồng Quang và Luật sư Trần Thị Hiếu tranh luận: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên tôi cho rằng hành vi của các bị cáo không có tình cơn đồ vì sự việc xảy ra có phần lỗi của bị hại S1 khi đã tấn công bị cáo Ch1 trước, đồng thời mâu thuẫn về đất đai giữa các bên đã có từ trước đó, do vậy việc áp dụng tình tiết cơn đồ đối với các bị cáo là không đúng. Bên cạnh đó, Cơ quan điều tra không thu được vật chứng là đoạn cây bị cáo D1 dùng để đánh bị hại, do vậy không có cơ sở để xác định các bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm; việc xét xử tất cả các bị cáo về tình tiết sử dụng hung khí nguy hiểm trong trường hợp này là chưa phù hợp vì đây chỉ là hành vi nhất thời của bị cáo D1 mà trước đó các bị cáo không có bàn bạc, thống nhất về việc sử dụng hung khí nguy hiểm. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại cho các bị cáo về tình tiết cơn đồ và sử dụng hung khí nguy hiểm như cấp sơ thẩm đã truy tố và xét xử.

Cấp sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 2 (việc dẫn điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo trong trường hợp này là quá nặng. Các bị cáo đã ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại, có nhân thân tốt, hiện gia đình các bị cáo đang rất khó khăn, con của các bị cáo Ch1 và T1 bị bệnh hiểm nghèo. Đề nghị Hội đồng xét xử chuyển khung hình phạt, xem xét hành vi của các bị cáo theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo đều còn trong hạn luật định nên hợp lệ để xem xét.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Nhật D1, Nguyễn Thành T1, Nguyễn Trương Kim Ch1 và Nguyễn Nhật T2 đều cho rằng sự việc xuất phát từ mâu thuẫn gia đình về đất đai, khi xảy ra tranh cãi thì S1 đã dùng tay đánh bị cáo Ch1 trước nên các bị cáo mới xông vào đánh S1, do đó việc xét xử các bị cáo về hành vi mang tính côn đồ là không đúng, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bị cáo đến trước nhà của bị hại để đợi và sau khi bị hại về thì xảy ra việc tranh cãi rồi đánh bị hại, điều này thể hiện ý thức và sự chủ động của các bị cáo. Tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều thể hiện việc các bị cáo cùng xông vào đánh bị hại S1, trong đó bị cáo D1 dùng cây gỗ tấn công bị hại, thương tích 11% của bị hại là do các bị cáo gây ra. Bên cạnh đó, sau khi bị cáo D1 sử dụng hung khí tấn công bị hại thì bị cáo T1 tiếp tục dùng tay đánh bị hại, bị cáo Ch1 yêu cầu bị cáo T2 vào không chế không cho bị hại bỏ chạy, sau khi T2 khống chế bị hại thì bị cáo T1 tiếp tục dùng tay đánh bị hại. Xét thấy, hành vi tấn công bị hại của các bị cáo đã có trước đó và tiếp tục diễn ra sau khi bị cáo D1 dùng hung khí tấn công bị hại. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính côn đồ, hung hãn nên cấp sơ thẩm truy tố và xét xử các bị cáo viện dẫn các tình tiết tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có cơ sở.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2023/HS-ST ngày 14/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nt1 đã xử phạt các bị cáo Nguyễn Nhật D1, Nguyễn Thành T1, Nguyễn Trương Kim Ch1 và Nguyễn Nhật T2 đều về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 (viện dẫn điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, không oan.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây tâm lý hoang mang và bức xúc cho quần chúng nhân dân, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác trái pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Nhật D1: Bị cáo D1 không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo là thiếu sót nên cần rút kinh nghiệm. Nhưng xét thấy, mức hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo D1 là đã tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, tại cấp phúc thẩm bị cáo D1 không có tình tiết giảm nhẹ gì khác nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo D1.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thành T1, Nguyễn Trương Kim Ch1, Nguyễn Nhật T2: Các bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là bất lợi cho các bị cáo.

Bên cạnh đó, xét thấy các bị cáo trong vụ án là cùng một gia đình, việc cả 04 thành viên trong gia đình phải chấp hành hình phạt tù sẽ gây khó khăn rất lớn đến việc chăm sóc 02 thành viên còn lại rất nhỏ tuổi và đang bị bệnh hiểm nghèo. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Nhật T2, xét thấy bị cáo là người đến sau, tham gia giữ tay bị hại là theo chỉ đạo của bị cáo Ch1 (là mẹ ruột), bị cáo T2 là người không tham gia đánh bị hại, xét mức độ hành vi của bị cáo trong vụ án là hạn chế hơn rất nhiều so với các bị cáo khác. Đồng thời nhận thấy hoàn cảnh gia đình của các bị cáo cần có người chăm sóc cho thành viên nhỏ tuổi, bị bệnh hiểm nghèo. Do vậy, xét hoàn cảnh gia đình và vận dụng tính nhân đạo của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Nhật T2, giảm cho bị cáo T2 một phần hình phạt và cho bị cáo T2 được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc các em còn nhỏ tuổi, đang bị bệnh hiểm nghèo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Nguyễn Nhật D1 phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định. Các bị cáo Nguyễn Thành T1, Nguyễn Trương Kim Ch1, Nguyễn Nhật T2 không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Nhật D1 và giữ nguyên phần bản án sơ thẩm liên quan đến bị cáo.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (viện dẫn điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Nhật D1**.

Tuyên xử: Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật D1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thành T1, Nguyễn Trương Kim Ch1; sửa một phần bản án sơ thẩm liên quan đến các bị cáo.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (viện dẫn điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo **Nguyễn Thành T1, Nguyễn Trương Kim Ch1**.

Tuyên xử:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T1 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- **Xử phạt bị cáo Nguyễn Trương Kim Ch1 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Nhật T2, sửa một phần bản án sơ thẩm liên quan đến bị cáo.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (viện dẫn điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Nhật T2.

Tuyên xử: Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật T2 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Nhật T2 cho Ủy ban nhân dân xã VT1, thành phố Nt1, tỉnh Kh1 giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Nhật T2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Nhật T2 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì có thể bị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Nhật T2 thực hiện hành vi phạm tội mới thì buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật hình sự.

3. Các bị cáo Nguyễn Thành T1, Nguyễn Trương Kim Ch1, Nguyễn Nhật T2 không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Nhật D1 phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kh1;
- Sở Tư pháp tỉnh Kh1;
- Công an tỉnh Kh1;
- Vụ giám đốc I;
- TAND TP. Nt1;
- VKSND TP. Nt1;
- Công an TP. Nt1;
- Ch1 cục THADS TP. Nt1;
- Trại giam; Nhà tạm giam, tạm giữ;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Long